

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116,
Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường
vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ
phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 602/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng
7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố
tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lê Đức T, sinh năm: 1978

HKTT: Thôn Sâm Linh, xã TQ, huyện NT, tỉnh QN.

Địa chỉ: 023 Lô H, chung cư TT, p. TT, quận TP, Tp. HCM

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1986

HKTT: Thôn An Trung, xã BAn, huyện BB, tỉnh BT.

Địa chỉ: 676 A Hương Lộ 2, BTĐ, quận BT, Tp. HCM

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức T và bà Lê Thị H nguyện chung sống và có
đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ, huyện NT, tỉnh QN.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc; từ giữa năm 2017 ông
bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung trong
cuộc sống. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được
và không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn
để ổn định cuộc sống.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung: Lê Chí Bảo, sinh
ngày: 17/12/2007. Khi ly hôn, hai bên thống nhất giao trẻ Bảo cho ông Tịnh nuôi dưỡng.

Vào ngày 10 hàng tháng, bà Hà có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng tiền nuôi con, thực hiện từ ngày 10/9/2020 đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân Ông Lê Đức T và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Đức T và bà Lê Thị H chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 07/8/2007 do UBND xã TQ, huyện NT, tỉnh QN cấp cho ông T và bà H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung: Lê Chí B, sinh ngày: 17/12/2007. Hai bên thống nhất giao trẻ B cho ông T nuôi dưỡng. Vào ngày 10 hàng tháng, bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng tiền nuôi con, thực hiện từ ngày 10/9/2020 đến khi con chung trưởng thành.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Trong trường hợp ông T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà H, ông T, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bà H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có

2. Về lệ phí tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do Lê Đức T và bà Lê Thị H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0070745 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông Lê Đức T và bà Lê Thị H đã nộp đủ.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Phùng Thị Huyền Minh